



VIDIPHA

Số : 01- NQ/ĐHĐCĐ-VDP

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
Của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHA
TP.HCM, ngày 23/04/2016

-
- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 do Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
 - Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công Ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA;
 - Căn cứ vào Biên bản đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

Hôm nay ngày 23 tháng 04 năm 2016, Công Ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA đã tiến hành đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Tham dự đại hội có 90 cổ đông sở hữu và đại diện 10.445.740 cổ phần có quyền biểu quyết và chiếm tỷ lệ 85.80% trên tổng vốn điều lệ. Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua Nghị quyết như sau:

NGHỊ QUYẾT

Điều 1: Thông qua số liệu tại báo cáo tài chính kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 2: Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 4: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2016:

Đại hội đã nhất trí thông kế hoạch tài chính năm 2016.

- Tổng doanh thu : 450 tỷ đồng. (Tăng 10% so với năm 2015)
- Tổng lợi nhuận trước thuế : 55 tỷ đồng. (Tăng 11% so với năm 2015)
- Nộp ngân sách Nhà nước : 22 tỷ đồng. (Tăng 10% so với năm 2015)
- Tổng quỹ lương : 28 tỷ đồng. (Tăng 7% so với năm 2015)
- Tỷ lệ cổ tức : Từ 20% đến 22%/ Vốn điều lệ

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 5 : Thông qua thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2016:

Đại hội nhất trí mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cho năm 2016 là 4% lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2016.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 6: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ :

Đại hội thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong điều lệ để phù hợp Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. (Theo phụ lục đính kèm).

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2016:

Đại hội thống nhất ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 02 Công ty kiểm toán sau, kiểm toán năm 2016:

- 1/ Công Ty TNHH Dịch vụ tư vấn và kiểm toán Phía Nam AASCs
- 2/ Công Ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC)

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 8: Thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2015:

- Tổng doanh thu : 404,88 tỷ đồng.
 - Tổng lợi nhuận trước thuế : 49,50 tỷ đồng.
 - Thuế TNDN : 12,99 tỷ đồng.
 - Tổng lợi nhuận sau thuế : 36,50 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận để lại : 6,42 tỷ đồng.
 - Nộp ngân sách Nhà nước : 20,79 tỷ đồng.
 - Chia cổ tức 18%/ Vốn điều lệ : 19,13 tỷ đồng. (Bằng 52,41% lợi nhuận sau thuế)
 - Trích quỹ Công ty : 10,95 tỷ đồng. (Bằng 30% lợi nhuận sau thuế)
- Trong đó :
- + Quỹ đầu tư phát triển : 7,30 tỷ đồng. (Bằng 20% lợi nhuận sau thuế)
 - + Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 3,65 tỷ đồng. (Bằng 10% lợi nhuận sau thuế)

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 9: Thông qua kế hoạch và phương án phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình ESOP:

Đại hội thống nhất thông qua kế hoạch, phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBCNV (ESOP) theo như tờ trình.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% đồng ý. . 0% không đồng ý. 0 % ý kiến khác.

Điều 10: Điều khoản thi hành:

Tất cả các cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ của Công ty có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã đọc và thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 04 năm 2016.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội *em*



DS. Kiên Hữu



PHỤ LỤC

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	Điều 1	b. “ <i>Luật Doanh nghiệp</i> ” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.	b. “ <i>Luật Doanh nghiệp</i> ” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	
	Điều 2.4	Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp Công ty có hai người đại diện theo pháp luật, quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng người được quy định trong quy chế nội bộ của Công ty	Điều chỉnh theo Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014
	Điều 3.1	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: ○ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu được phẩm, được liệu, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). ○ ○ Dịch vụ bảo quản thuốc, dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: ○ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu được phẩm, được liệu, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). ○ ○ Dịch vụ bảo quản thuốc, dịch vụ kiểm nghiệm thuốc. ○ Bán lẻ thuốc	Bổ sung thêm ngành nghề Bán lẻ thuốc .
	Điều 11.2 và 11.3	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: ... g. Trường hợp Công ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thực hiện thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ cổ đông ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;	Điều chỉnh theo Điều 114 và 129 Luật Doanh Nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 35; b. Yêu cầu triệu tập Đại đồng đông cổ đông.	3. Cổ đông hoặc nhóm các cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng trở lên ngoài các quyền quy định tại khoản 11.2 của Điều này còn có các quyền sau: a. Đề cử thành viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; b. Yêu cầu triệu tập Đại đồng đông cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều 114.3 Luật Doanh nghiệp;	
	Điều 12.6	Không quy định	Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Bổ sung theo Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2014
	Điều 13.1	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng hoặc không quá sáu (6) tháng, nếu được sự gia hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Điều chỉnh theo khoản 2, Điều 136 Luật Doanh Nghiệp 2014
	Điều 13.3	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... c. Khi số lượng thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số lượng mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số lượng quy định trong Điều lệ; ... e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... c. Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số lượng mà pháp luật quy định hoặc số lượng Hội đồng quản trị ít hơn một nửa (1/2) số lượng quy định tại Điều Lệ này; ... e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của Hội đồng quản trị đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 149	Làm rõ hơn nội dung quy định Điều chỉnh theo Điều 149 Luật Doanh

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		hoặc có ý định ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội đồng quản trị đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép.	Nghị quyết 2014
	Điều 13.4 b và 13.4 c	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông...theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội...theo quy định tại khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông...theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội...theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh tham chiếu theo Luật doanh nghiệp 2014
	Điều 14.1	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát; e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;	Bổ sung phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014
	Điều 14.21	1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Điều chỉnh theo khoản 02 điều 143 Luật Doanh Nghiệp 2014
	Điều 17.2	Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải thực hiện các công việc sau: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông chương trình họp, và các tài liệu cần thiết theo quy định pháp luật và Điều lệ này; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu	Điều chỉnh theo Điều 136 và 137 Luật Doanh Nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; f. Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và g. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	
	Điều 18.1	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.	Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh túc số biểu quyết phù hợp với khoản 1 điều 114 Luật doanh nghiệp 2014
	Điều 18.2	Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huy động cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huy động cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh túc số biểu quyết phù hợp với khoản 2 điều 114 Luật Luật doanh nghiệp 2014
	Điều 20	1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành. 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao	1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; : a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Tổ chức lại, giải thể công ty; e) Sửa đổi điều lệ công ty. 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường	điều chỉnh túc số từ 65% xuống còn 51% cổ phần có biểu quyết khi thông qua Nghị quyết DHDCE để phù hợp với điều 144 Luật doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc được thông qua bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản.	hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trưng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	
	Điều 21.4	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; Đối với các cổ đông không gửi các phiếu lấy ý kiến về thì coi như	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn	Điều chỉnh theo khoản 4 Điều 145 Luật Doanh Nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		không có ý kiến.	đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	
	Điều 21.6	Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ và gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	Khoản 6 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014 quy định không bắt buộc phải gửi biên bản kiểm phiếu bằng văn bản đến các cổ đông nếu công ty có trang thông tin điện tử.
	Điều 21.8	Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành (đối với tất cả các nội dung) và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh theo khoản 4 Điều 144 và khoản 8 Điều 145 Luật Doanh Nghiệp 2014
	Điều 22	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (trong trường hợp cần thiết có thể được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài), có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều 22. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 22.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại từng thời điểm. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình và nội dung cuộc họp; d) Chủ tọa và thư ký; đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu	Điều chỉnh theo điều 146 Luật Doanh Nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. 22.2 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt (trong trường hợp cần thiết có thể được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài) có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Biên bản, các ghi chép, sổ ký nhận của các cổ đông và đại diện ủy quyền của họ tham dự buổi họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
	Điều 23.2	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều 147 Luật Doanh Nghiệp. Trong trường hợp này các Nghị quyết của	Điều chỉnh theo điều 147 Luật Doanh Nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, từ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này.	
	Điều 27.2, 27.3, 27.4, 27.8, 27.11 và 27.13	Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị ... 2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. 3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát. 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị ... 2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. 3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Ban kiểm soát. 4. Các cuộc họp HĐQT quy định tại Điều 31.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại Khoản 3	Để phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. ... 11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định. 13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây: a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị....	Điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT. 8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. ... 11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua và ra Nghị quyết bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%), trừ trường hợp bất nhiệm Tổng Giám đốc như được quy định tại khoản 5 Điều 30 của Điều lệ này. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết theo hình thức này được thông qua khi thỏa mãn các điều kiện sau: a. Ý kiến tán thành của đa số thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị...	Điều chỉnh theo Điều 160 Luật Doanh Nghiệp 2014
	Điều 32	32. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức	32. Trách nhiệm của người quản lý công ty 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		độ cần trọng mà một người thân trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty. 2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.	
	Điều 36.1	Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đàm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện	Ban kiểm soát sẽ có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm: a. Giám sát tính tuân thủ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh theo Điều 134 và Điều 165 Luật doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.	d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này. f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. g. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. k. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. l. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao. m. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	
	Điều 45.1, 45.2, 45.3 và 45.4	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh	Điều chỉnh theo Thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 – Hướng dẫn công bố thông tin

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính. 3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. 4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.	doanh. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của công ty.	
Điều 39		1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. 2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty. 3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan	1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.	Điều chỉnh theo Điều 132 Luật doanh nghiệp 2014

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký. 6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. 7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phần chia lợi nhuận, nhân cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.	2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông. 3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày kết thúc hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo ít nhất phải có: a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty; b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận; đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức; e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty. 4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty. 5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 122 và Điều 123 của Luật doanh	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chỉ trả cổ tức trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.	
	Điều 42	Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản tối đa không quá 20% lợi nhuận sau thuế để lập quỹ đầu tư phát triển. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng phải đảm bảo mức trích mỗi quỹ không thấp hơn 5% lợi nhuận sau thuế: 1. Quỹ khen thưởng; 2. Quỹ phúc lợi.	Hàng năm, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định mức trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, riêng Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi mức trích mỗi quỹ không quá 15% lợi nhuận sau thuế.	
	Điều 49.2	1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Pháp luật. 2. Con dấu là tài sản của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có 2 con dấu.	1. HĐQT quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp; b) Mã số doanh nghiệp. 2. Trước khi sử dụng, công ty phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. 4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.	Điều chỉnh theo Điều 44 Luật doanh nghiệp 2014
	Điều 56	1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA nhất trí thông qua ngày 11 tháng 04 năm 2015 tại Tp. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy	Điều 57. Ngày hiệu lực 1. Điều lệ này gồm 21 chương với 56 Điều là bản Điều lệ hợp pháp và chính thức của Công ty, thay thế các bản trước đây. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày....tháng...năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 2. Điều lệ này được làm thành một (01) bản gốc bằng tiếng Việt và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công	

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.	ty. 3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc bởi ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị thì mới có giá trị. Không hạn chế bởi quy định này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền, phân cấp có quyền cấp sao y bản chính hoặc trích lục một phần từ bản chính của Điều lệ Công ty để cung cấp cho cổ đông, các đối tác, cơ quan có thẩm quyền hay các bên liên quan của Công ty. CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	
	Điều 57	Điều 57. Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty	Bỏ điều này	Gộp nội dung chữ ký người đại diện theo pháp luật vào Điều 56